

Số: /TB-BV

Quang Bình, ngày 6 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc mời đơn vị tham gia báo giá tư vấn: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Luật Đấu thầu số: 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định: 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ công văn số 02/KL-BBVCSSK ngày 30/3/2024 của Tỉnh ủy Hà Giang ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh

Căn cứ tờ trình số 66/TTr-BBVS, huyện ủy Quang Bình, ngày 4/11/2024

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số: 171/2024/12004/CT-VALU Hà Nội,
Ngày 06 tháng 12 năm 2024 **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TƯ VẤN THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình thông báo đến các đơn vị tư vấn có năng lực tham gia báo giá để lập dự toán gói thầu: gói thầu Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm bổ sung thiết bị y tế, y dụng cụ phục vụ công tác khám sức khỏe A 10 năm 2024 của bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình ;(Có danh mục chi tiết kèm theo).

Tổng dự toán gói thầu: Mua sắm bổ sung thiết bị y tế, y dụng cụ phục vụ công tác khám sức khỏe A 10 năm 2024 của bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình là 237.659.000 đồng (Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng)

TT	Nội dung công việc	Khối lượng
----	--------------------	------------

01	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu: Mua sắm bổ sung thiết bị y tế, y dụng cụ phục vụ công tác khám sức khỏe A 10 năm 2024 của bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình ;	01 gói
02	Thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu; Mua sắm bổ sung thiết bị y tế, y dụng cụ phục vụ công tác khám sức khỏe A 10 năm 2024 của bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình ;	01 gói

Khi nhận được Thông báo này, các đơn vị tư vấn có nhu cầu tham gia đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ về Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình Tổ 5, Thị trấn yên Bình, huyện Quang Bình tỉnh Hà Giang trước 17h00 ngày 17/ 12 / 2024 để tổ chức lựa chọn tư vấn theo quy định. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia tư vấn;
- Báo giá phí dịch vụ tư vấn;
- Hồ sơ năng lực của đơn vị có kèm theo các nội dung sau:
 - + Văn bản chứng minh có chức năng trong công tác Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu.
 - + Các hợp đồng tương tự đã ký kết trong thời gian qua (02 năm gần nhất).
 - + Một số thông tin khác có liên quan.

Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Hải Võ

DANH MỤC

GÓI THẦU: Mua sắm bổ sung thiết bị y tế, y dụng cụ phục vụ công tác khám sức khỏe A 10 năm 2024 của bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình ;
(Kèm theo thông báo số: /TB-BV, ngày tháng 12 năm 2024 của BVĐK Quang Bình)

TT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm tiêm điện	<p><u>Cấu hình tiêu chuẩn:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Phụ kiện: + Dây nguồn: 01 cái + Kẹp cọc truyền: 01 cái <p>Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ</p> <p><u>Chỉ tiêu kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình: + Loại màn hình màu; LCD + Kích thước: ≥ 4 inch - Nguồn điện DC:Ắc quy loại sạc bên trong máy hoạt động liên tục ≥ 10 tiếng khi mất điện lưới, - Có pin phụ báo động trong trường hợp mất điện lưới và ắc quy hỏng, - Có thể sử dụng các loại bơm tiêm: 5mL, 10mL, 20mL, 30mL, 50/60mL của nhiều hãng sản xuất khác nhau - Chế độ đặt liều: mL/giờ , $\mu\text{g}/\text{kg}/\text{phút}$, $\text{mg}/\text{kg}/\text{giờ}$; - Dải cài đặt tốc độ tiêm: 0,01 đến 1200 mL/giờ tùy thuộc cỡ bơm tiêm. Bước đặt $\leq 1\text{mL}/\text{giờ}$ - Thể tích dịch đặt trước: + 0,1 đến 9999 mL + Có chế độ không đặt giới hạn dịch tiêm - Cài đặt thời gian tiêm: + 1 phút đến 99 giờ 59 phút + Có chế độ không đặt giới hạn thời gian tiêm - Tốc độ tiêm nhanh (bolus) khi ấn và giữ phím: +) 100 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 5 mL) +) 100 đến 300 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 10,20,30 mL) +) 100 đến 1200 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 50/60 mL) (Bước đặt: 100 mL/giờ) -Thể tích dịch tiêm nhanh khi không ấn và giữ phím: +) 0,01 đến 10 mL (bước đặt 0,01 mL) +) 10 đến 100 mL (bước đặt 0,1 mL) +) 100 đến 999 mL (bước đặt 1 mL) - Thời gian tiêm nhanh khi không ấn và giữ phím : từ 1 giây đến 60 phút (Bước đặt: 1 giây) - Hiện thị thể tích dịch đã tiêm: 0 đến 9999 mL - Độ chính xác máy: $\pm \leq 1\%$ - Ngưỡng áp lực báo tắc: 10 đến 120 kPa (có ≥ 10 mức để chọn) - Tốc độ tiêm nhanh: từ 150 đến 1200 mL/ giờ tùy theo cỡ bơm tiêm 	Cái	2

	<ul style="list-style-type: none"> - Báo động trong các trường hợp: + Tắc đường tiêm truyền + Gần hết dịch + Bơm tiêm lắp không đúng + Ấc quy yếu + Báo động lại + Báo động tắt máy + Báo động khi mất điện lưới hoặc hỏng ắc qui + Nhắc ấn phím START + Chưa cài đặt tốc độ tiêm + Chưa cài đặt thể tích dịch định tiêm + Tốc độ truyền đặt lớn hơn giới hạn thể tích dịch định truyền + Hoàn thành thể dịch đặt trước - Các chức năng an toàn: + Cài đặt giới hạn dải tốc độ A (giới hạn mềm) + Cài đặt giới hạn dải tốc độ B (giới hạn cứng) + Cài đặt báo động gần hết dịch + Chọn áp lực báo tắc đường tiêm + Giảm tốc bolus: giảm áp lực trong bơm tiêm khi gặp báo động tắc nghẽn + Khóa bàn phím - Các chức năng khác: + Hiển thị hướng dẫn lắp bơm tiêm trên màn hình LCD + Hiển thị nhãn và cỡ bơm tiêm trên màn hình LCD + Cài đặt thể tích dịch định tiêm + Cài đặt thời gian định tiêm + Có âm báo ở chế độ Purge/Bolus + Chức năng chờ + Cài đặt thời gian chờ + Điều chỉnh âm lượng chuông báo động + Có âm báo khi ấn phím STOP + Đặt và báo thời gian bảo trì thiết bị + Cài đặt ngày, giờ + Lưu và xem dữ liệu: xấp xỉ ≥ 10000 sự kiện + Có âm báo khi phát hiện có nguồn điện lưới AC + Cài đặt giới hạn trên của thể tích Purge/ Bolus + Duy trì đường ven mở + Xóa thể tích dịch đã tiêm khi máy đang hoạt động + Thay đổi tốc độ tiêm khi máy đang hoạt động + Đặt bước cài đặt 100 lần để rút ngắn thời gian cài đặt + Tiêm nhanh (Bolus) bằng cách ấn và giữ phím + Tiêm nhanh (Bolus) không cần ấn và ấn phím + Chức năng gọi phím tắt + Có âm báo khi tắt nguồn 		
--	--	--	--

2	Bộ khám ngũ quan	<p><u>Cấu hình tiêu chuẩn:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đầu thiết bị khám tai 01 Cái 2. Loa soi tai: 03 cái 3. Đèn đèn khám mắt: 01 cái 4. Van mở mũi: 01 cái 5. Gọng dẫn quang cong: 01 cái 6. Gương soi thanh quản số 3: 01 cái 7. Gương soi thanh quản số 4: 01 cái 8. Bộ phận kẹp giữ đèn lồng: 01 cái 9. Bóng đèn thay thế trên đèn soi tai (có thể dùng cho gọng dẫn quang cong): 01 cái 10. Cán pin: 01 cái 11. Hộp đựng: 01 cái <p><u>Chi tiêu kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc chiếu sáng khu vực thăm khám bằng đèn chân không 2.7 V - Nguồn cấp điện thông qua các cán tay cầm - Thiết bị khám tai + Thấu kính phóng đại với độ phóng đại 4 lần, dạng có thể tháo ra được, xoay 2 mặt + Nắp chụp phần kiếng, dạng tháo ra được, gắn bên ngoài thiết bị + Thích hợp dùng để thăm khám mũi khi sử dụng loa thăm khám 9 mm + Tháo ráp cán tay cầm nhanh chóng, an toàn nhờ bộ phận đầu kết nối trên cán tay cầm + Loa thăm khám tai bằng thép không gỉ - Đèn đèn khám mắt + Đầu thiết bị bằng kim loại + Vòng điều chỉnh hội tụ từ 0 đến +20 và từ 0 đến -20 điốp - Van mở mũi + Van mở bằng kim loại mạ crôm có tuổi thọ cao + Nới rộng van mở bằng cách vặn vít điều chỉnh - Gọng dẫn quang cong + Bằng kim loại mạ crôm + Việc thay đổi đèn đơn giản tại phía trước mặt gọng dẫn quang cong - Gương soi thanh quản: dùng cho tất cả gọng dẫn quang cong 2 gương soi thanh quản số 3 (đường kính 20 mm) và số 4 (đường kính 22 mm) dùng để chiếu sáng và thăm khám vùng thanh quản 	Cái	1
3	Túi cấp cứu	<p>Chất liệu vải dù dày 1680pvc bền. Bên trong dùng vải lót 600pu dày tăng độ bền.</p> <p>Có 4 ngăn dây kéo. Ngăn chính rộng 22 lít gồm vách chia ngăn tùy biên thành 1 đến 6 ngăn.</p> <p>Bên ngoài mặt trước và 2 hông đều có túi hộp có dây kéo.</p> <p>Dưới nắp có 1 ngăn túi vải lưới có dây kéo. Xung quanh túi có lót mút PE FOAM</p> <p>Kích thước: Ngang 42 x Cao 26 x Rộng 21 cm. Chưa tính 3 ngăn túi hộp bên ngoài. Sai số (+/- 0.5cm)</p>	Cái	2

4	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	<p><u>Cấu hình tiêu chuẩn:</u> Máy chính 01 chiếc có màn hình màu điều khiển TFT LCD hoặc tương đương $\geq 10,4$ inch kèm các phụ kiện tối thiểu cho 5 Thông số: ECG, Nhịp thở, SPO2, NIBP, Nhiệt độ; kèm theo miếng dán điện cực.</p> <p><u>Chỉ tiêu kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính năng: <ul style="list-style-type: none"> + Đo ECG chính xác với chế độ chống rung. + Hiệu suất SpO2 chính xác ngay cả khi có chuyển động và lưu lượng máu thấp. + Hỗ trợ cổng cắm USB nâng cấp phần mềm và truyền dữ liệu. + Phần mềm điều chỉnh áp lực thông minh và phân cứng bảo vệ áp lực bơm NIBP. + Bảo vệ chống mất dữ liệu khi mất điện đột ngột. + Chế độ màn hình hiển thị 7 chuyển đạo ECG + Thời gian làm việc liên tục lên đến 5 giờ với pin lắp sẵn trong máy. + Đầu vào DC 12 ~ 15V phù hợp khi đặt trên xe cứu thương. + Tự động nhận các mô đun IBP/CO, máy in. - Đặc tính và hiệu suất + Các chỉ số: <ul style="list-style-type: none"> Đèn báo nguồn Đèn báo pin + Nhập xuất dữ liệu: Cổng mạng LAN; Cổng USB nhập xuất dữ liệu. + Kết nối báo gọi y tá. - Thông số ECG <ul style="list-style-type: none"> + Dây điện cực: 5 điện cực + Gain tùy chọn: 0.125, 0.25, 0.5, 1, 2, tự động + tốc độ quét: 12.5mm/giây, 25 mm/giây, 50 mm/giây. - Dải nhịp tim <ul style="list-style-type: none"> + Người lớn 15 ~ 300 nhịp/phút + Trẻ em/trẻ sơ sinh: 15 ~ 350 nhịp/phút + Độ chính xác: ± 1 nhịp/phút 2. Thông số hô hấp. <ul style="list-style-type: none"> -Phương pháp đo: Trở kháng xuyên ngực -Chế độ hoạt động: Tự động -Dải đo: 0~ 120 lần/phút. -Thời gian báo động ngưng thở: 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60 giây. -Tốc độ quét: 6.25 mm/giây, 12.5 mm/giây, 25mm/giây. - Thông số SpO2: <ul style="list-style-type: none"> + Phạm vi đo: 0 ~ 100% + Độ phân giải: 1%. + Chỉ số tưới máu: 0.05% ~ 20% + Thời gian làm mới: 1 giây. + Tốc độ quét: 12.5 mm/giây, 25mm/giây. - Thông số nhịp tim: <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo: 25 ~ 250 nhịp/phút. + Độ phân giải: 1 nhịp/phút. + Độ chính xác: $\pm 2\%$ + Phương pháp: Dao động tự động 	Cái	2
---	--	---	-----	---

		<ul style="list-style-type: none"> + Các chế độ: Bằng tay/ tự động/liên tục. + Đơn vị đo: mmHg hoặc kPa tùy chọn + Kiểu đo: Tâm thu, tâm trương, trung bình. + Phạm vi đo: <ul style="list-style-type: none"> Phạm vi huyết áp tâm thu: 40 ~ 270 mmHg. Phạm vi huyết áp tâm trương: 10 ~ 210 mmHg Phạm vi huyết áp trung bình Người lớn: 20 ~ 230 mmHg + Độ chính xác: Lớn nhất: ± 5mmHg - Thông số nhiệt độ + Dải đo: 0 ~ 500C. + Độ chính xác: ± 0.10 hoặc ± 0.20F + Kênh theo dõi: 2 kênh. + Các thông số đo: T1, T2 và TD 		
5	Xe đẩy máy monitor	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 500 x 500 x 620 – 1070 mm - Kích thước mặt bàn: 320 x 220 mm - Chất liệu: Inox - 5 bánh xe xoay 360 có khóa - Bề mặt để máy liền, cứng có lan can quay xung quanh để tránh rơi máy - Có giỏ inox đựng bộ dụng cụ 	Cái	2
6	Máy đo đường huyết	<p><u>Cấu hình tiêu chuẩn:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 máy chính - 01 bút lấy máu - 01 túi đựng - Hướng dẫn sử dụng <p><u>Chỉ tiêu kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng HCT: 20-70% - Không cần nhập mã code khi gắn que thử vào máy. - Mẫu lấy máu $\leq 0,5 \mu\text{L}$ - Thời gian đo ≤ 5s - Bộ nhớ máy đến 900 kết quả, có thể tính kết quả trung bình 7 ngày, 14 ngày, 30 ngày - Đánh dấu kết quả đo trước hoặc sau khi ăn - Cảnh báo nồng độ đường trong máu thấp (Hypo warning) - Cảnh báo nồng độ Kentol cao - Dải đo đường huyết: 10 - 600 mg/dL (0.6 - 33.3 mmol/L) 	Cái	2
7	Huyết áp kế điện tử (Máy đo huyết áp bắp tay tự động)	<p><u>Cấu hình tiêu chuẩn:</u></p> <p>Máy chính: 01 cái Vòng hơi: 01 cái Pin kèm theo máy Hướng dẫn sử dụng</p> <p><u>Chỉ tiêu kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo theo công nghệ Oscillometric tự động. - Công nghệ Accending cho kết quả trong 30 giây. - Có cảnh báo rối loạn nhịp tim. - Bộ nhớ đến 60 kết quả đo kèm ngày/ giờ. 	Cái	1
8	Máy đo nồng độ bão	<p><u>Cấu hình tiêu chuẩn:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sensor đo SPO2 người lớn: 01 - Nguồn AC/DC: 01 - Dây nguồn: 01 	Cái	2

	hòa Oxy trong máu SpO2 cầm tay	<ul style="list-style-type: none"> - Sách hướng dẫn sử dụng: 01 <u>Chỉ tiêu kỹ thuật:</u> - Màn hình LCD TFT màu - Thông số : SpO2, Pluse rate, Chỉ số tưới máu, Sóng nhịp tim - Dải đo: SPO2: 40%-100% Sai số: 70-100%, ±2% - Nhịp tim: Dải đo: 30-250bpm Sai số: ± 2bpm - Pin hoạt động ≥ 15 giờ - Bộ nhớ: Lên đến 30 ngày - Hiện thị trạng thái của Pin và kết nối nguồn; Cảm biến tách, báo động im lặng 		
9	Ống nghe tim mạch	<ul style="list-style-type: none"> Chiều dài: 69cm/27 inch Gồm 2 màng nghe Màng nghe điều hướng 1.7"/4.3 cm 1.4"/3.4cm . Vật liệu bộ tai nghe: Chất liệu aluminum alloy nhẹ đạt chuẩn hàng không 	Cái	2
10	Xe cấp phát thuốc	<ul style="list-style-type: none"> Kích thước: 850 x 520 x 950m - Chất liệu nhựa ABS và hợp kim nhôm - Gồm 5 ngăn kéo (2 nhỏ, 2 trung, 1 lớn); 01 giá đỡ máy; 01 hộp đựng Bơm tiêm để tiêu huỷ; 01 thùng đựng rác; 01 kệ trượt làm việc; 01 cây truyền dịch; 01 hộc đựng tài liệu; 02 thùng rác đựng rác; 01 Ổ cắm điện; 01 tấm ép tim; 01 giá đỡ bình oxy - 04 bánh xe, 2 bánh có khoá, - Có khoá trung tâm cho các ngăn kéo. 	Cái	1
		TỔNG CỘNG: 10km		

